TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS - ST
Ngày: 17 - 10 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Ông Hồ Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST - DS, 02/4/2018 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST - DS, ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Diệp Bé B, sinh năm 1953.

Bà Lê Thị T, sinh năm 1956.

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Diệp Bé B và bà Lê Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*Ông Cao Hoài K, sinh năm 1967 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 của ông Diệp Bé b, bà Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Bé B, bà Lê Thị T là ông Nguyễn Vũ B trình bày: Vào ngày 20/8/2015 bà Lê Thị T có vay của ông Diệp Bé B, bà Lê Thị T số tiền 65.000.000 đồng không tính lãi, đến ngày 29/10/2015Al thì bà T có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận trong tháng 10/2015Al sẽ hoàn trả nhưng khi đến hạn ông Bé B và bà Th đòi nhiều lần nhưng bà Tiền không trả, lúc vay tiền bà Tiền có nói là vay để lấy vốn buôn bán trái cây phát triển kinh tế gia đình, chồng bà T là ông Cao Hoài K cũng biết. Nay ông Bé B và bà T yêu cầu bà Lê Thị T và ông Cao Hoài K phải liên đới hoàn trả số tiền vay là 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Hoài K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Bé B, bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Hoài K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T, ông Cao Hoài K.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Do quen biết nhau nên vào ngày 20/8/2015 ông Diệp Bé B và bà Lê Thị T có cho bà Lê Thị T vay số tiền 65.000.000 đồng, đến ngày 29/10/2015Al bà T có làm giấy mượn tiền và hai bên thỏa thuận trong tháng 10/2015Al bà T phải hoàn trả nợ. Do bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp, ngày 27/3/2018 ông Diệp Bé B và bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu bà T và chồng là ông Cao Hoài K phải liên đới trả nợ. Xét về nội dung tranh chấp, hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự có thỏa thuận đến tháng 10/2015Al thì bà T phải thanh toán nợ, do đó ngày 27/3/2018 ông Bé B, bà T khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho bà Lê Thị T, ông Cao Hoài K thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu, chứng cứ do ông Bé B, bà T giao nộp nhưng bà T, ông K không có ý kiến phản bác gì, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 29/10/2015Al thể hiện bà T có vay của ông Bé B, bà T số tiền 65.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán trái cây, bà T đã nhận thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án để chứng minh bà không có nợ ông Bé B, bà T số tiền 65.000.000 đồng và giấy mượn tiền mà ông Bé B, bà T cung cấp không phải do bà viết và ký tên nhưng bà T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ nào để chứng minh theo yêu cầu của Tòa án, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định bà T có nợ của ông Bé B, bà T số tiền 65.000.000 đồng, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc bà T phải hoàn trả cho ông Bé B, bà T số tiền 65.000.000 đồng là phù hợp. Đối với ông K

tuy không giao kết hợp đồng với ông Bé B, bà T nhưng căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Vũ B cũng như giấy mượn tiền ngày 29/10/2015Al đã thể hiện việc bà T là vợ ông K vay tiền là để làm vốn mua bán phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông K phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T hoàn trả nợ cho ông Bé B, bà T là phù hợp.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Lê Thị T, ông Cao Hoài K phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho ông Bé B, bà T là 65.000.000 đồng x 5% =3.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T, ông Cao Hoài K phải liên đới hoàn trả cho ông Diệp Bé B, bà Lê Thị T số tiền vay là 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bà Lê Thị T, ông Cao Hoài K phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.250.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Diệp Bé B, bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện